

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1707/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung
xã Võ Miếu, tỉnh Phú Thọ đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn
ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 227/BC-SXD ngày 16 tháng 4 năm 2026; Văn bản số 5180/SXD-QHKT ngày 20 tháng 5 năm 2026; của Ủy ban nhân dân xã Võ Miếu tại Tờ trình 612/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung xã Võ Miếu, tỉnh Phú Thọ đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xã Võ Miếu, tỉnh Phú Thọ đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Võ Miếu.

3. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Tây: Giáp xã Văn Miếu và xã Minh Đài;
- Phía Bắc: Giáp xã Minh Hóa;
- Phía Đông: Giáp xã Cự Đồng và xã Thanh Sơn;
- Phía Nam: Giáp xã Văn Miếu và xã Cự Đồng.

b) Quy mô lập quy hoạch: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính toàn xã Võ Miếu, tỉnh Phú Thọ khoảng 9.635,14 ha.

c) Thời hạn quy hoạch chung xã Võ Miếu, tỉnh Phú Thọ: đến năm 2045.

4. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

Phát triển không gian xã Võ Miếu phù hợp và thống nhất trong hệ thống quy hoạch cấp trên, cụ thể hóa định hướng phát triển của tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Hướng tới phát triển hài hòa, cân đối giữa khu dân cư - nông nghiệp - du lịch - hạ tầng - môi trường, đảm bảo kết nối vùng.

Phát triển bền vững, bảo tồn giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa. Phát huy tiềm năng rừng, cảnh quan đồi núi trung du, bản sắc các dân tộc làm nền tảng phát triển. Quy hoạch xây dựng phải hạn chế tác động xấu đến môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn, suối, khe và hệ sinh thái tự nhiên. Đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên, hướng đến mô hình xã nông thôn sinh thái - du lịch cộng đồng.

Quy hoạch chung xã Võ Miếu nhằm xây dựng mô hình xã nông thôn sinh thái, phát triển bền vững, có cơ cấu không gian hợp lý, hạ tầng đồng bộ, môi trường trong lành, cảnh quan đẹp, đời sống người dân nâng cao. Làm cơ sở để quản lý phát triển không gian, thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả đất đai và nguồn lực, thúc đẩy kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

5. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

a) Tính chất: Xã Võ Miếu được xác định là xã nông thôn phát triển theo hướng lấy nông - lâm nghiệp làm nền tảng, từng bước phát triển tiểu thủ công nghiệp và các loại hình du lịch - dịch vụ, thương mại, gắn với nâng cao chất

lượng sống của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Vai trò: Xã Võ Miếu nằm ở khu vực phía Nam so với trung tâm tỉnh Phú Thọ là vùng đệm kết nối giữa các xã phía Tây của thành phố Hà Nội. Quy hoạch chung để xác định vai trò trung chuyển hàng hóa, dịch vụ, du lịch cộng đồng, tạo liên kết kinh tế - văn hóa giữa các xã trong khu vực. Là cơ sở để thu hút đầu tư, phát triển nông nghiệp hữu cơ, du lịch, dịch vụ, thương mại.

c) Chức năng:

- Là một mắt xích kết nối du lịch và sinh thái liên vùng: Hà Nội - Phú Thọ - Sơn La. Cung cấp sản phẩm nông nghiệp sạch, lâm sản và các dịch vụ du lịch cho vùng hạ lưu sông Hồng. Góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi xanh và phát triển bền vững vùng trung du Bắc Bộ.

- Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển cân bằng vùng trung du - miền núi, khai thác tiềm năng tài nguyên, du lịch, nông nghiệp bền vững. Là một trong những không gian phát triển nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu, minh chứng cho mô hình phát triển nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, du lịch cộng đồng. Đóng vai trò bảo vệ rừng đầu nguồn, duy trì cân bằng sinh thái và môi trường cho toàn vùng Đông Bắc tỉnh Phú Thọ.

- Là một tiểu vùng phát triển nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - du lịch dịch vụ trong tổng thể địa bàn xã. Đóng vai trò vùng đệm sinh thái - cảnh quan thiên nhiên vùng phía Đông Bắc tỉnh. Là điểm liên kết hạ tầng giao thông, thương mại và du lịch liên xã.

6. Sơ bộ dự báo phát triển

a) Dự báo quy mô dân số:

- Hiện trạng năm 2025, dân số toàn xã 28.679 người; phân bố chủ yếu tại các khu dân cư nông thôn hiện hữu, mật độ không đồng đều, tập trung tại khu trung tâm và các trục giao thông chính.

- Trên cơ sở phương án dự báo quy mô tăng trưởng dân số, lựa chọn dự báo quy mô dân số lập quy hoạch đến năm 2045 ước tính khoảng 43.000 người.

b) Dự báo về kinh tế: Xã Võ Miếu có điều kiện tự nhiên thuận lợi, bản sắc văn hóa phong phú và quỹ đất phát triển rộng, là cơ sở quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, xã còn nhiều hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công, cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch, cần được định hướng và đầu tư thông qua quy hoạch chung xã Võ Miếu nhằm phát huy tiềm năng đất đai - rừng - con người. Phát triển nông thôn theo hướng sinh thái, văn minh, hiện đại. Gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường và an ninh khu vực miền núi.

c) Dự báo nhu cầu đất đai:

- Năm 2025: Đất xây dựng (phi nông nghiệp) hiện trạng bình quân trên đầu người 350m²/người; diện tích đất xây dựng khoảng 765ha;

- Năm 2045: Chỉ tiêu đất dân dụng 300-340m²/người; diện tích đất dân dụng tăng thêm khoảng 300ha.

d) Dự báo phát triển không gian:

- Không gian khu dân cư có xu hướng mở rộng từ khu trung tâm xã ra các khu vực lân cận và dọc theo các trục giao thông chính.

- Hình thành các khu chức năng: Trung tâm hành chính - dịch vụ, cụm dân cư mới, khu sản xuất nông nghiệp tập trung, cụm công nghiệp và khu du lịch.

- Tăng cường liên kết không gian với các xã lân cận và các trục giao thông kết nối đường tỉnh, mức độ đô thị hóa tăng dần, hình thành các điểm dân cư có tính chất bán đô thị tại khu trung tâm.

đ) Dự báo nhu cầu hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng trục giao thông khu trung tâm xã mới, nâng cấp, mở rộng, làm mới hệ thống giao thông xã, thôn và các tuyến kết nối liên vùng.

- Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, viễn thông được đầu tư đồng bộ theo quy chuẩn hiện hành.

- Tăng cường thu gom và xử lý chất thải rắn, nước thải đảm bảo yêu cầu môi trường.

- Nhu cầu đầu tư mới và cải tạo hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng phát triển dân số và kinh tế.

e) Dự báo hạ tầng xã hội:

- Xây dựng và nâng cấp các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao theo quy mô dân số và tiêu chuẩn phục vụ.

- Các chỉ tiêu sử dụng công trình công cộng tuân thủ quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Hệ thống hiện trạng hạ tầng xã hội từng bước được nâng cấp, bổ sung để đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu của người dân.

f) Dự báo môi trường và biến đổi khí hậu:

- Gia tăng áp lực môi trường do phát triển dân cư, sản xuất và du lịch (rác thải, nước thải, ô nhiễm cục bộ).

- Cần bảo vệ các khu vực nhạy cảm như rừng, nguồn nước, di tích lịch sử - văn hóa. Chủ động các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, hạn chế tác động của thiên tai như ngập lụt, sạt lở.

7. Các yêu cầu đồ án quy hoạch cần nghiên cứu

a) Yêu cầu đối với công tác điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng khu vực; yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng:

- Thu thập tài liệu, số liệu, điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; Dân số, lao động, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và các yếu tố khác có liên quan. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực có liên quan; Xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch cấp trên.

- Phân tích vị trí và vai trò khu vực lập quy hoạch, đánh giá điều kiện tự nhiên và môi trường, hiện trạng về dân số, xã hội, về sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Quy hoạch thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, các văn bản hướng dẫn và các quy định chuyên ngành liên quan;

b) Các yêu cầu về nội dung chính của quy hoạch chung:

- Làm rõ lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã; căn cứ lập quy hoạch; vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng, tính tác động đến phát triển của xã;

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội; hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có) và các khu chức năng; sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch và phạm vi có liên quan; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã; tác động, yêu cầu của định hướng, phương hướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã;

- Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên; phân vùng phát triển và yêu cầu quản lý;

- Định hướng phát triển không gian: Vị trí, quy mô và phương hướng tổ chức dân cư nông thôn, khu vực đô thị hóa (nếu có); khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử

- văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác. Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp tỉnh; trung tâm cụm xã, trung tâm xã;

- Nội dung quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, thực hiện theo quy định pháp luật về kiến trúc; Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật xã về chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động;

- Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện; Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch chung xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường: Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng.

8. Hồ sơ sản phẩm

8.1 Thành phần hồ sơ quy hoạch: Thực hiện theo Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025.

8.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Phân bản vẽ:

| STT | Tên bản vẽ | Tỷ lệ |
|------------|--|--------------|
| 1 | Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của xã; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới phạm vi quy hoạch | TL thích hợp |
| 2 | Bản đồ hiện trạng: Điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trên địa bàn | 1/10.000 |
| 3 | Bản đồ định hướng phát triển không gian: Xác định không gian phát triển khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có); khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, | 1/10.000 |

| STT | Tên bản vẽ | Tỷ lệ |
|-----|---|----------|
| | văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp tỉnh trở lên; vị trí trung tâm xã, trung tâm cụm xã (nếu có); khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo quy định | |
| 4 | Bản đồ sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn: Vị trí, quy mô, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn phát triển | 1/10.000 |
| 5 | Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh theo từng chuyên ngành gồm cao độ nền, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, hạ tầng viễn thông thụ động | 1/10.000 |

b) Phân văn bản:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch chung xã và dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc tổ chức lập quy hoạch chung xã;
- Quyết định phê duyệt các quy hoạch liên quan, Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xã trước (nếu có);
- Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm bản đồ khảo sát khu vực quy hoạch, tỷ lệ 1/10.000.
- Thuyết minh đồ án (có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh).
- Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm các văn bản pháp lý liên quan;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.
- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung đồ án quy hoạch; Thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Phú Thọ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Đĩa CD, DVD hoặc USB lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ

quy hoạch.

c) Hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý GIS.

- Các lớp dữ liệu:

| STT | Tên bản vẽ | Tỷ lệ |
|-----|---|-------------------|
| 1 | Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng | Ảnh geotiff |
| 2 | Bản đồ hiện trạng | Vùng, đường, điểm |
| 3 | Bản đồ định hướng phát triển không gian | Vùng, đường, điểm |
| 4 | Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật | Vùng, đường, điểm |

Thông tin của các đối tượng phải được lấy từ các nguồn: bản đồ, các biểu quy hoạch, quyết định và thuyết minh quy hoạch được phê duyệt.

- Sản phẩm:

+ GIS hoá dữ liệu

* Định dạng: định dạng dữ liệu Shapefile và Geodatabase (gdb).

* Hệ toạ độ VN2000.

+ Số hoá, nắn chuyển các bản đồ

* Định dạng bàn giao: File GeoTiff; PDF.

* Hệ toạ độ VN2000.

+ Xây dựng hồ sơ số quy hoạch xây dựng: Sản phẩm được đóng gói theo đồ án.

* Dữ liệu GIS hoá.

* Dữ liệu số hoá và nắn chuyển.

* Các văn bản, tài liệu điện tử liên quan.

+ Tích hợp hệ thống thông tin và CSDL quy hoạch xây dựng tỉnh Phú Thọ <https://quyhoachxaydung.phutho.gov.vn>

9. Các quy định về lấy ý kiến

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập nhiệm vụ, lập quy hoạch.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch.

- Nội dung lấy ý kiến: Là tài liệu thể hiện nội dung của quy hoạch, bao gồm các bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý

10. Dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch

a) Chi phí lập đồ án quy hoạch: 630.843.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm ba

mười triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Trong đó:

| | |
|--|-------------------|
| - Chi phí lập quy hoạch: | 338.184.000 đồng; |
| - Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: | 60.665.000 đồng; |
| - Chi phí thẩm định đề án quy hoạch: | 43.252.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đề án quy hoạch: | 31.174.000 đồng; |
| - Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư: | 85.117.000 đồng; |
| - Chi phí công bố đề án quy hoạch: | 26.311.000 đồng; |
| - Chi phí lập hồ sơ GIS, hồ sơ mời thầu,... | 46.140.000 đồng. |

b) Chi phí lập nhiệm vụ, khảo sát địa hình: Được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 135/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh và ban hành quy định một số nội dung liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

c) Nguồn vốn khảo sát, lập quy hoạch: Xã Võ Miếu tự bố trí, cân đối từ nguồn ngân sách xã và các nguồn lực huy động hợp pháp để thực hiện lập quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Võ Miếu.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Phú Thọ.

- Thời gian thực hiện lập quy hoạch: Không quá 09 tháng kể từ ngày lựa chọn được đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Võ Miếu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Việt Văn